TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 3 - 2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 667/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Thanh H, Sinh năm: 1971; Nơi thường trú: Số A, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ cư trú: Số B, đường số K, khóm I, phường P, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, là Luật sư của Văn phòng luật sư Ánh Sáng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Tiêu Hải L; Sinh năm: 1975; Nơi thường trú: Số C, đường P, khóm Y, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Địa chỉ cư trú: Số B, đường số K, khóm I, phường P, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị Thanh H trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Tiêu Hải L tự nguyện kết hôn vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản: Không có.

- Về nợ chung: Bà xác định không nợ ai, không ai nợ ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Tiêu Hải L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông L đến Tòa án để tham gia các phiên họp, được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Về hôn nhân; bà H và ông L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông L; Về con chung: Không có; Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn ông Tiêu Hải L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông L.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Phạm Thị Thanh H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Tiêu Hải L, Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả với nhau. Tại phiên tòa, bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn, xác định không thể hàn gắn hôn nhân được. Xét thấy, bà H và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Đối với ông L không có ý kiến, nên không xem xét, giải quyết. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông L.

[3] Con chung: Không có.

[4] Tài sản chung: Bà H xác định không có, ông L không có ý kiến, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Nợ chung: Bà H xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh H, về việc yêu cầu ly hôn với ông Tiêu Hải L.

Con chung: Không có.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng. Ngày 09/12/2024 bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0009877, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 2, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân